

**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC**  
**MÃ SỐ: 7310601**

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

**- Tên ngành đào tạo:**

+ Tiếng Việt: Quốc tế học

+ Tiếng Anh: International Studies

**- Mã số ngành đào tạo:**

**- Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân Quốc tế học

**- Thời gian đào tạo:** 4 năm.

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Quốc tế học

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in International Studies

**- Tên đơn vị cấp bằng:** Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Khoa Quốc tế học - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**- Mục tiêu chung:**

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quốc tế học theo định hướng nghiên cứu nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, có kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu quốc tế, phát huy tối đa sự sáng tạo để có khả năng vận dụng và phân tích các vấn đề quốc tế, có thái độ làm việc chuyên nghiệp, độc lập và hợp tác trong môi trường hội nhập quốc tế.

**- Mục tiêu cụ thể:**

÷ Cung cấp kiến thức đại cương về các ngành khoa học xã hội và nhân văn và kiến thức chuyên sâu về ngành Quốc tế học với 4 hướng chuyên ngành chính là Quan hệ quốc tế, Châu Âu học, Châu Mỹ học và Nghiên cứu phát triển quốc tế.

÷ Xây dựng kỹ năng chuyên môn trong nghiên cứu, giảng dạy, thực hành về ngành Quốc tế học và kỹ năng mềm giúp người học có khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn, có tư duy phản biện, làm việc độc lập, sẵn sàng hợp tác, có năng lực tự chủ và trách nhiệm giải trình đối với xã hội.

÷ Tạo cơ hội cho người học tiếp tục học tập ở bậc học thạc sĩ và tiến sĩ để trở thành chuyên gia nghiên cứu, giảng dạy trong lĩnh vực nghiên cứu quốc tế, quan hệ quốc tế và hợp tác quốc tế tại các trường đại học, viện nghiên cứu.

÷ Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên tìm kiếm việc làm ở các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ quốc tế v.v.

## **PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, NĂNG LỰC TỰ CHỦ - TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI, KỸ NĂNG BỔ TRỢ, VIỆC LÀM VÀ CƠ HỘI HỌC TẬP SAU ĐẠI HỌC**

Một người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quốc tế học sẽ đạt được các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau (Xem thêm Phụ lục: Ma trận chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và học phần)

### **2.1. Chuẩn đầu ra**

#### **2.1.1. Kiến thức**

- i. Người học *nhận biết* được kiến thức liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn và nghiên cứu quốc tế liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, môi trường v.v.
- ii. Người học *giải thích* được nguyên nhân, tiến trình và kết quả của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu cần nghiên cứu trong ngành Quốc tế học.
- iii. Người học *áp dụng* được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành Quốc tế học trong các công việc giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn chính sách hoặc thực

hành về các vấn đề quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế của Việt Nam liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, môi trường v.v.

- iv. Người học *phân tích* được các thông tin, dữ liệu, sự kiện quốc tế để chỉ ra được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, những biến đổi ngày càng sâu rộng của các nhân tố quốc tế và quốc gia tác động đến Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới.

### **2.1.2. Kỹ năng**

- i. Người học có kỹ năng giải quyết vấn đề.
- ii. Người học có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- iii. Người học có kỹ năng phản biện, phê phán.
- iv. Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- v. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam có thể đọc/dịch được các tài liệu tiếng Anh chuyên môn (ở mức độ cơ bản).

### **2.1.3. Thái độ**

- i. Người học sẵn sàng lắng nghe ý kiến nhiều chiều (từ phía cộng đồng, truyền thông, cơ quan quản lý nhà nước) để đưa ra những quyết định hợp lý và hiệu quả.
- ii. Người học tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận về các vấn đề liên quan đến công việc.
- iii. Người học tôn trọng sự đa dạng về quan điểm, niềm tin trong công việc.
- iv. Người học cân bằng được sự khác biệt, mâu thuẫn trong giải quyết công việc.
- v. Người học tuân thủ tính kỷ luật trong công việc.

### **2.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm xã hội**

- i. Người học có thể làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện việc làm thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và nhóm.
- ii. Người học có thể hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

- iii. Người học có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng, có tinh thần đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước.

### **2.3. Kỹ năng bổ trợ**

- i. Người học có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình.
- ii. Người học sử dụng thành thạo máy tính, thiết bị văn phòng và soạn thảo các văn bản.

### **2.4. Những vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Nghiên cứu và giảng dạy về các vấn đề quốc tế tại các trường đại học, các viện nghiên cứu;
- Làm công tác đối ngoại tại các cơ quan ngoại giao ở trung ương và địa phương, các vụ hợp tác quốc tế thuộc các bộ, ban, ngành, đoàn thể, các cơ quan an ninh, quốc phòng, các cơ quan truyền thông, báo chí;
- Làm việc trong các cơ quan đại diện của nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ trong nước và nước ngoài, các các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đặc biệt là các doanh nghiệp liên doanh.

### **2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:**

- Sau khi tốt nghiệp ngành học, sinh viên có thể tham gia học tập bậc sau đại học đúng chuyên ngành Quan hệ quốc tế hoặc các ngành gần tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (HỆ CHUẨN)

## NGÀNH: QUỐC TẾ HỌC

MÃ SỐ: 7310601

(Ban hành theo Quyết định số 4433/QĐ-XHNV, ngày 27 tháng 11 năm 2019  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo</b>	<b>135 tín chỉ</b>
<b>- Khối kiến thức chung</b> (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng- an ninh)	<b>16 tín chỉ</b>
<b>- Khối kiến thức theo lĩnh vực:</b>	<b>29 tín chỉ</b>
+ Các học phần bắt buộc	23 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn	6/18 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức theo khối ngành:</b>	<b>24 tín chỉ</b>
+ Các học phần bắt buộc	15 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn	9/24 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức theo nhóm ngành:</b>	<b>19 tín chỉ</b>
+ Các học phần bắt buộc	13 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn (chuyên sâu và liên ngành)	6/45 tín chỉ
<b>- Khối kiến thức ngành:</b>	<b>47 tín chỉ</b>
+ Các học phần bắt buộc	26 tín chỉ
+ Hướng chuyên ngành (sinh viên lựa chọn 1 trong 4)	16 tín chỉ
+ Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế KLTN	5 tín chỉ

### 2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b> <i>(không bao gồm học phần 7 và 8)</i>		<b>16</b>				
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	30	15		
2.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	20	10		PHI1006
3.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			
4.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20	10		
5.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	20	10		
6.	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	20	35	20	
7.		Giáo dục thể chất	4				
8.		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>29</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b> <i>(không bao gồm học phần 17)</i>		<b>23</b>				
9.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	36	9		
10.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	20	5	5	PHI1006
11.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	42	3		
12.	HIS1056	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	42	3		
13.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	39	6		
14.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	30	15		
15.	PHI1054	Lôgic học đại cương	3	33	12		
16.	INT1005	Tin học ứng dụng	3	15	30		
17.		Kỹ năng bổ trợ	3				
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>6/18</b>				
18.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	20	10		
19.	EVS1001	Môi trường và phát triển	2	26	4		

20.	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	20	10		
21.	LIN1050	Thực hành văn bản tiếng Việt	2	20	10		
22.	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	20	10		
23.	LIT1053	Viết học thuật	2	20	10		
24.	LIT1054	Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	2	20	10		
25.	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	20	10		
26.	POL1053	Hệ thống chính trị Việt Nam	2	20	10		
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức theo khối ngành</b>		<b>24</b>				
<b>III.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>				
27.	MNS1054	Khởi nghiệp	3	30	15		
28.	ITS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	30	15		
29.	ITS1103	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	3	30	15		
30.	ITS1100	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	30	15		
31.	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	30	15		
<b>III.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>9/24</b>				
32.	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	39	6		
33.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	42	3		
34.	ANT1100	Nhân học đại cương	3	39	6		
35.	PHI1101	Tôn giáo học đại cương	3	39	6		
36.	POL1052	Chính trị học đại cương	3	39	6		
37.	SOW1102	Phát triển cộng đồng	3	39	6		
38.	SOC3024	Chính sách xã hội	3	39	6		
39.	ARO1160	Các lý thuyết quản trị	3	39	6		
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức theo nhóm ngành</b>		<b>19</b>				
<b>IV.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>13</b>				
40.	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3	30	15		
41.	ITS1150	Kinh tế quốc tế	2	20	10		
42.	ITS1151	Luật quốc tế	3	30	15		

43.	ITS2004	Các tổ chức quốc tế	2	20	10		
44.	ITS1153	Nhập môn kinh tế chính trị quốc tế	3	30	15		
<b>IV.2</b>	<b><i>Các học phần tự chọn (Sinh viên <u>chỉ</u> chọn 1 trong 2 định hướng)</i></b>		<b>6</b>				
	<b><i>Khối kiến thức chuyên sâu của ngành</i></b>		<b>6/30</b>				
45.	ITS1154	Đặc trưng văn hóa Mỹ Latinh	3	30	15		
46.	ITS1155	Các tổ chức khu vực châu Mỹ	3	30	15		
47.	ITS1156	Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây	3	30	15		
48.	ITS1157	Khu vực Bắc Âu và Đông Âu	3	30	15		
49.	ITS1158	Ngoại giao công chúng	3	30	15		
50.	ITS1159	Quan hệ Liên minh châu Âu-Việt Nam	3	30	15		
51.	ITS1160	Các nhóm lợi ích ở Hoa Kỳ	3	30	15		
52.	ITS1161	Phát triển bền vững	3	30	15		
53.	ITS1162	Kỹ năng ứng tuyển bằng tiếng Anh	3	6	39		
54.	ITS1163	Luật nhân đạo quốc tế	3	30	15		
	<b><i>Khối kiến thức liên ngành</i></b>		<b>6/15</b>				
55.	ITS1164	So sánh văn hóa	3	30	15		HIS1056
56.	ITS1165	Quản trị kinh doanh	3	30	15		
57.	ITS2009	Hệ thống pháp luật Việt Nam	3	30	15		THL1057
58.	JOU1151	Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	3	30	15		
59.	LIB3073	Thiết kế và quản trị nội dung website	3	35	10		
<b>V</b>	<b><i>Khối kiến thức ngành</i></b>		<b>47</b>				
<b>V.1</b>	<b><i>Các học phần bắt buộc</i></b>		<b>26</b>				
60.	ITS3101	Tiếng Anh chuyên ngành 1	5	10	65		FLF1107
61.	ITS3102	Tiếng Anh chuyên ngành 2	5	10	65		ITS3101
62.	ITS3103	Tiếng Anh chuyên ngành 3	5	10	65		ITS3102



63.	ITS3104	Tiếng Anh chuyên ngành 4	5	10	65		ITS3103
64.	ITS3045	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	2	20	10		
65.	ITS4058	Niên luận	2			30	
66.	ITS4059	Thực tập, thực tế	2		30		
<b>V.2</b>	<b>Hướng chuyên ngành</b> <i>(SV lựa chọn 1 trong 4 hướng chuyên ngành)</i>		<b>16</b>				
<b>V.2.1</b>	<b>Hướng chuyên ngành quan hệ quốc tế</b>		<b>16</b>				
67.	ITS3017	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương	3	30	15		
68.	ITS3018	Kinh doanh quốc tế	3	30	15		
69.	ITS3050	Đàm phán quốc tế	2	20	10		
70.	ITS3069	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	3	30	15		
71.	ITS3051	Quan hệ công chúng	2	20	10		
72.	ITS3121	Các vấn đề toàn cầu	3	30	15		
<b>V.2.2</b>	<b>Hướng chuyên ngành Châu Mỹ học</b>		<b>16</b>				
73.	ITS3037	Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ	3	30	15		
74.	ITS3039	Quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ	2	20	10		
75.	ITS3036	Lịch sử - văn hóa Hoa Kỳ	3	30	15		
76.	ITS3070	Tổng quan kinh tế các nước Châu Mỹ	3	30	15		
77.	ITS3056	Canada và các nước Mỹ Latinh	3	30	15		
78.	ITS3057	Quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ	2	20	10		
<b>V.2.3</b>	<b>Hướng chuyên ngành Châu Âu học</b>		<b>16</b>				
79.	ITS3071	Nhập môn châu Âu học	3	30	15		
80.	ITS3027	Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu	2	20	10		THL1057

81.	ITS3028	Lịch sử và văn hóa châu Âu	2	20	10		
82.	ITS3029	Hệ thống kinh tế của Liên minh châu Âu	2	20	10		
83.	ITS3072	Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu	3	30	15		
84.	ITS3031	Các cường quốc châu Âu	4	40	20		
<b>V.2. 4</b>	<b><i>Hướng chuyên ngành Nghiên cứu phát triển quốc tế</i></b>		<b>16</b>				
85.	ITS3073	Nhập môn nghiên cứu phát triển quốc tế	3	30	15		
86.	ITS3074	Kinh tế phát triển	3	30	15		
87.	ITS3063	An ninh con người	2	20	10		
88.	ITS3075	Hỗ trợ quốc tế	3	30	15		
89.	ITS3065	Quản lý dự án phát triển	3	30	15		
90.	ITS3066	Thực tập nghiên cứu phát triển quốc tế	2			30	
<b>V.3</b>	<b><i>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i></b>		<b>5</b>				
91.	ITS4052	Khóa luận tốt nghiệp	5				
	<i>Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>						
92.	ITS3019	Pháp luật kinh tế quốc tế	2	20	10		ITS2004 ITS1151
93.	ITS4057	Tiếp xúc liên văn hóa	3	30	15		ITS1104
		<b>Tổng cộng</b>	<b>135</b>				

### 3. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Tiến trình đào tạo: số lượng tín chỉ của mỗi học kỳ và số học phần trong chương trình đào tạo bậc cử nhân ngành Quốc tế học được phân bổ theo tiến trình bình thường (có thể thay đổi thứ tự học phần hàng năm, tùy theo điều kiện thực tế).

- Các học phần: Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*Học phần số 7,8*) và Kỹ năng bổ trợ (*học phần số 17*) không được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT, không tính vào điểm TBC học kì, TBC các học phần và TBC tích lũy nhưng là điều kiện tốt nghiệp.

- Học phần Ngoại ngữ bậc 3<sup>1</sup> (FLF1107) là học phần điều kiện, không tính vào điểm TBC học kì, TBC các học phần và TBC tích lũy nhưng là điều kiện tốt nghiệp và được tính vào tổng số tín chỉ của CTĐT.

- Sinh viên có thể học vượt và tốt nghiệp sớm theo các quy định chung của ĐHQG và Nhà trường. Tuy nhiên, sinh viên cũng cần chú ý tới các học phần tiên quyết của học phần học vượt và không học dồn quá nhiều học phần 1 học kỳ.

- Sinh viên sau khi học hết năm thứ 3 sẽ bắt đầu chọn và học chuyên ngành từ đầu năm thứ 4. Có 4 hướng chuyên ngành để sinh viên lựa chọn là: Quan hệ quốc tế, Châu Âu học, Châu Mỹ học và Nghiên cứu phát triển quốc tế. Mỗi hướng chuyên ngành sinh viên cần tích lũy 16 tín chỉ (*12 tín chỉ bắt buộc và 4 tín chỉ tự chọn*).

- Về học phần Ngoại ngữ chuyên ngành, sinh viên được học các học phần Tiếng Anh chuyên ngành sau khi đã đạt chuẩn đầu ra theo quy định của ĐHQGHN.

+ Đối với TACN 1: đầu kì, sinh viên sẽ có bài kiểm tra của khoa để phân chia trình độ theo lớp.

+ Các học phần TACN (có từ 2 lớp trở lên mỗi học phần): phân chia theo trình độ của sinh viên, căn cứ vào điểm học phần TACN trước đó.

---

<sup>1</sup>QĐ số 2078/QĐ-ĐHQGHN ngày 3/7/2019 nêu rõ: Sinh viên được miễn ngoại ngữ bậc 3 nếu:

+ Có bằng tốt nghiệp THPT, cử nhân hoặc thạc sĩ do cơ sở nước ngoài cấp cho CTĐT toàn thời gian ở nước ngoài bằng tiếng Anh.

+ Có bằng ĐH ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc sư phạm tiếng nước ngoài phù hợp với ngoại ngữ theo Chuẩn đầu ra của CTĐT, do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có các chứng chỉ xác nhận năng lực ngoại ngữ quốc tế còn giá trị, phù hợp với Chuẩn đầu ra của CTĐT.

+ Có các chứng chỉ xác nhận năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam còn giá trị, phù hợp Chuẩn đầu ra của CTĐT do các cơ sở sau cấp: Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐHQG Hà Nội), Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐH Đà Nẵng), Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐH Huế), Trường ĐH Sư phạm tp.Hồ Chí Minh, Trường ĐH Sư phạm Hà Nội, Trường ĐH Hà Nội, ĐH Thái Nguyên và Trường ĐH Cần Thơ.

- Về học phần Niên luận, đến học kỳ I năm thứ Ba, sinh viên chỉ đăng ký học, không phải lên lớp. Học phần này được tổ chức như sau: căn cứ danh sách đăng ký học, sinh viên chia thành các nhóm (số lượng: 5-7 sinh viên), Khoa sẽ phân công giảng viên phụ trách nhóm và giao đề tài thực hiện trong suốt cả học kỳ. Sau khi nhận đề tài, quá trình thực hiện sẽ được chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn 1 từng nhóm sinh viên sẽ tự phân công nhau làm biên niên, thư mục về đề tài của mình; giai đoạn 2, trên cơ sở các Học liệu, thư mục mỗi sinh viên sẽ phải viết một phần hoặc một bài báo cáo từ 7 – 10 trang.

- Về học phần thực tập, thực tế: trong năm thứ 3, tùy thuộc vào điều kiện kinh phí và thời gian, Khoa sẽ tổ chức cho sinh viên đi thực tập, thực tế với mục đích tìm hiểu, nghiên cứu, giao lưu và tiếp cận với các vấn đề thực tế trong nước hoặc quốc tế, trong thời gian từ 7 đến 10 ngày. Kết thúc khóa thực tập/thực tế, sinh viên sẽ phải viết báo cáo đề nộp. Ban chủ nhiệm Khoa sẽ phân công giảng viên chấm các bài thực tập/thực tế đó.

- Đối với các học phần tự chọn ở mục IV.2, có 2 hướng là tự chọn chuyên sâu và tự chọn liên ngành (6 tín chỉ), sinh viên **chỉ được** lựa chọn các học phần ở 1 trong 2 hướng đó.

- Sau khi hoàn thành chương trình học tập và tích lũy đủ từ 110 TC trở lên, sinh viên được đăng ký tốt nghiệp bằng 2 hình thức: làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần tương đương tốt nghiệp. Điều kiện xét làm khóa luận tốt nghiệp bên cạnh những điều kiện chung của Nhà trường, Khoa cũng đưa ra một số yêu cầu nhất định trong phạm vi quyền hạn của Chủ nhiệm Khoa. Những sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ phải học 2 học phần tương đương tốt nghiệp.

#### 4. Tiến trình đào tạo ngành Quốc tế học (áp dụng từ khóa QH-2019-X)

**Tổng số tín chỉ: 135**

Học kỳ	<u>Kỳ 1</u>	<u>Kỳ 2</u>	<u>Kỳ 3</u>	<u>Kỳ 4</u>	<u>Kỳ 5</u>	<u>Kỳ 6</u>	<u>Kỳ 7</u>	<u>Kỳ 8</u>
<b>Tín chỉ</b>	20	19	18	20	18	19	16	5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết/tuần	HP bắt buộc hay tự chọn		Học phần tiên quyết
<b>Học kì 1: 20 TC</b>					<b><u>BB</u></b>	<b><u>TC</u></b>	
1.	PHI1006	Triết học Mác - Lê nin	3	3	X		
2.	FLF1107	Tiếng Anh B1	5	10	X		
3.	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	X		
4.	HIS1100	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	X		
5.	ITS2004	Các tổ chức quốc tế	2	2	X		
6.	INE1014	Kinh tế học đại cương	2	2		<u>X</u>	
7.	ITS1051	Hội nhập quốc tế và phát triển	2	2		<u>X</u>	
<b>Học kì 2: 19 TC</b>							
8.	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2	2	X		PHI1006
9.	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	X		
10.	SOC1051	Xã hội học đại cương	3	3	X		
11.	INT1005	Tin học ứng dụng	3	3	X		
12.	MNS1053	Các phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	X		
13.	ITS3101	Tiếng Anh chuyên ngành 1	5	10	X		FLF1107
14.		<i>Giáo dục Quốc phòng - An ninh</i>	8				<b><u>Học kì hệ</u></b>
<b>Học kì 3: 18 TC</b>							
15.	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	X		
16.	PHI1054	Lôgic học đại cương	3	3	X		
17.	ITS1102	Lịch sử quan hệ quốc tế	3	3	X		
18.	ITS3102	Tiếng Anh chuyên ngành 2	5	10	X		ITS3101
19.	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2	X		PHI1004

20.	PSY1051	Tâm lí học đại cương	3	3	X		
<b>Học kì 4: 20 TC</b>							
21.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	X		
22.	MNS1054	Khởi nghiệp	3	3	X		
23.	ITS3103	Tiếng Anh chuyên ngành 3	5	10	X		ITS3102
24.	ITS1153	Nhập môn kinh tế chính trị quốc tế	3	3	X		
25.	ITS1150	Kinh tế quốc tế	2	2	X		
26.	JOU1051	Báo chí truyền thông đại cương	3	3		X	
27.	LIB1050	Nhập môn năng lực thông tin	2	2		X	
<b>Học kì 5: 18 TC</b>							
28.	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	X		
29.	ITS1100	Nhập môn quan hệ quốc tế	3	3	X		
30.	ITS1104	Khu vực học đại cương	3	3	X		
31.	ITS3104	Tiếng Anh chuyên ngành 4	5	10	X		ITS3103
32.	ITS4058	Niên luận	2	2	X		
33.	ITS1101	Thế chế chính trị thế giới	3	3	X		
<b>Học kì 6: 19 TC</b>							
34.	ITS1103	Quan hệ đối ngoại Việt Nam	3	3	X		
35.	ITS3045	Nghiệp vụ công tác đối ngoại	2	2	X		
36.	ITS1151	Luật quốc tế	3	3	X		
37.	JOU3030	Tổ chức sự kiện	3	3		X	
38.	<i>Sinh viên chọn 2 HP tự chọn trong mục IV.2</i>		6			X	
39.	ITS4059	Thực tập/Thực tế	2		X		Học kì hè

<b>Học kì 7: 16 TC</b> (SV chọn 1 trong 4 hướng chuyên ngành)							
	<b>1. Quan hệ quốc tế</b>		<b>16</b>				
40.	ITS3017	Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương	3	3	X		<b>Học bằng tiếng Anh</b>
41.	ITS3018	Kinh doanh quốc tế	3	3	X		
42.	ITS3050	Đàm phán quốc tế	2	2	X		
43.	ITS3069	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	3	3	X		
44.	ITS3051	Quan hệ công chúng	2	2	X		
45.	ITS3121	Các vấn đề toàn cầu	3	3	X		
	<b>2.Nghiên cứu Châu Âu</b>		<b>16</b>				
46.	ITS3071	Nhập môn châu Âu học	3	3	X		
47.	ITS3027	Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu	2	2	X		
48.	ITS3028	Lịch sử và văn hóa châu Âu	2	2	X		
49.	ITS3029	Hệ thống kinh tế của Liên minh châu Âu	2	2	X		
50.	ITS3072	Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu	3	3	X		<b>Học bằng tiếng Anh</b>
51.	ITS3031	Các cường quốc châu Âu	4	4	X		
	<b>3.Nghiên cứu Châu Mỹ</b>		<b>16</b>				
52.	ITS3037	Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ	3	3	X		
53.	ITS3039	Quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ	2	2	X		
54.	ITS3036	Lịch sử - văn hóa Hoa Kỳ	3	3	X		
55.	ITS3070	Tổng quan kinh tế các nước Châu Mỹ	3	3	X		
56.	ITS3056	Canada và các nước Mỹ Latinh	3	3	X		
57.	ITS3057	Quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ	2	2			<b>Học bằng tiếng Anh</b>

	<b>4. Nghiên cứu phát triển quốc tế</b>		<b>16</b>				
58.	ITS3073	Nhập môn nghiên cứu phát triển quốc tế	3	2	X		<b>Học bằng tiếng Anh</b>
59.	ITS3074	Kinh tế phát triển	3	2	X		
60.	ITS3063	An ninh con người	2	2	X		
61.	ITS3075	Hỗ trợ quốc tế	3	3	X		
62.	ITS3065	Quản lý dự án phát triển	3	3	X		
63.	ITS3066	Thực tập nghiên cứu phát triển quốc tế	2		X		
<b>Học kì 8: 5 tín chỉ</b>							
	<b>Khoá luận tốt nghiệp hoặc môn thay thế khoá luận tốt nghiệp</b>		<b>5</b>				
	<b>*Môn thay thế khoá luận tốt nghiệp (Dành cho sinh viên không làm khoá luận)</b>		5				
64.	ITS3019	Pháp luật kinh tế quốc tế	2	4		<u>Học 7 tuần</u>	
65.	ITS4057	Tiếp xúc liên văn hóa	3	6			

**Ghi chú:**

- Các học phần lựa chọn, sinh viên có thể lựa chọn các học phần trong khung chương trình đào tạo và có thể không theo tiến trình của khoa
- Các học phần có thể sẽ có điều chỉnh, thay đổi do điều kiện mời giảng. Thay đổi sẽ được thông báo cho sinh viên trước mỗi kì đăng kí học phần.



## PHỤ LỤC 1

### MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC -2019

#### NGÀNH QUỐC TẾ HỌC

#### (HỆ CHUẨN)

Học phần theo tiến trình đào tạo	CHUẨN VỀ KIẾN THỨC				CHUẨN VỀ KỸ NĂNG					CHUẨN VỀ THÁI ĐỘ				
1. Người học nhận biết được kiến thức liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn và nghiên cứu quốc tế liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, môi trường v.v	2. Người học giải thích được nguyên nhân, tiến trình và kết quả của các vấn đề, sự kiện, hiện tượng quốc tế và toàn cầu cần nghiên cứu trong ngành QTH.	3. Người học áp dụng được các kiến thức cơ bản và chuyên sâu của ngành QTH trong các công việc giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn chính sách hoặc thực hành về các vấn đề quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế của Việt Nam liên quan đến chính	4. Người học phân tích được các thông tin, dữ liệu, sự kiện quốc tế để chỉ ra được các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, những biến đổi ngày càng sâu rộng của các nhân tố quốc tế và quốc gia tác động	1. Người học có kỹ năng giải quyết các vấn đề.	2. Người học có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	3. Người học có kỹ năng phân biện, phê phán.	4. Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành	5. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam có thể đọc/dịch được các tài liệu tiếng Anh chuyên môn (ở mức độ cơ bản).	1. Người học sẵn sàng lắng nghe ý kiến nhiều chiều (từ phía cộng đồng, truyền thông, cơ quan quản lý nhà nước) để đưa ra những quyết định, tư vấn chính sách hiệu quả nhất.	2. Người học tham gia tích cực vào các cuộc thảo luận về các vấn đề liên quan đến công việc.	3. Người học tôn trọng sự đa dạng về quan điểm, niềm tin trong công việc.	4. Người học cân bằng được sự khác biệt, mâu thuẫn trong giải quyết công việc.	5. Người học tuân thủ tính kỷ luật trong công việc	

			trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật, môi trường v.v.	đến Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới.				viên trong nhóm.						
<b>HK I</b>														
Triết học Mác - Lê nin	1				1				1					
Tiếng Anh B1	1							5		2				
Cơ sở văn hóa Việt Nam	1				1					2				
Lịch sử Việt Nam đại cương	1				1					2				
Các tổ chức quốc tế		2			1						3			
Kinh tế học đại cương		2			1					2				
Hội nhập quốc tế và phát triển		2			1						3			
Môi trường và phát triển	1				1				1					
Thống kê cho KHXH	1				1				1					
Thực hành văn bản tiếng Việt	1				1				1					
Viết học thuật	1				1				1					
Tư duy sáng tạo và thiết kế ý tưởng	1				1				1					

<b>HK II</b>														
Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	1				1						2			
Lịch sử văn minh thế giới		2			1						2			
Xã hội học đại cương	1				1						2			
Tin học ứng dụng	1				1						2			
Các phương pháp nghiên cứu khoa học	1						3					3		
Tiếng Anh chuyên ngành 1		2							5			3		
Tôn giáo học đại cương	1					2					2			
Chính trị học đại cương		2				2					2			
Phát triển cộng đồng	1					2					2			
Chính sách xã hội	1					2					2			
Các lý thuyết quản trị	1					2					2			
<b>HK III</b>														
Chủ nghĩa xã hội khoa học	1				1						2			

Lôgic học đại cương	1				1						2			
Lịch sử quan hệ quốc tế			3				3				2			
Tiếng Anh chuyên ngành 2			3						5			3		
Nhà nước và pháp luật đại cương	1				1						2			
Tâm lí học đại cương	1				1						2			
<b>HK IV</b>														
Tư tưởng Hồ Chí Minh	1				1						2			
Khởi nghiệp	1					2					2			
Tiếng Anh chuyên ngành 3				4					5				4	
Nhập môn kinh tế chính trị quốc tế		2					3					3		
Kinh tế quốc tế			3				3					3		
Báo chí truyền thông đại cương	1					2					2			
Nhập môn năng lực thông tin	1					2					2			
<b>HK IV</b>														
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1					2					2			

Nhập môn quan hệ quốc tế				4			3					3		
Khu vực học đại cương		2					3					3		
Tiếng Anh chuyên ngành 4				4					5				4	
Niên luận			3						5				4	
Thế chế chính trị thế giới			3				3					3		
<b>HK VI</b>														
Quan hệ đối ngoại Việt Nam			3				3						4	
Nghiệp vụ công tác đối ngoại			3					4					4	
Luật quốc tế				4	1								4	
Tổ chức sự kiện	1					2					2			
Thực tập / Thực tế			3					4					4	
Nhân học đại cương	1					2					2			
Hệ thống pháp luật Việt Nam			3		1									5
So sánh văn hóa			3				3					3		
Đặc trưng văn hóa Mỹ Latinh				4				4					4	
Các tổ chức khu vực châu				4				4					4	

Mỹ														
Tiếp xúc văn hóa giữa phương Đông và phương Tây			3				3						4	
Khu vực Bắc Âu và Đông Âu			3				3					3		
Ngoại giao công chúng		2					3					3		
Quan hệ Liên minh châu Âu và Việt Nam			3				3					3		
Các nhóm lợi ích ở Hoa Kỳ			3				3					3		
Phát triển bền vững			3				3				2			
Kỹ năng ứng tuyển bằng tiếng Anh			3						5			3		
Luật nhân đạo quốc tế			3				3					3		
Phương pháp cơ bản trong nghiên cứu truyền thông	1					2					2			
Quản trị kinh doanh			3				3					3		

Thiết kế và quản trị nội dung website	1				1						2			
<b>HK VII</b>														
Quan hệ quốc tế ở châu Á - Thái Bình Dương			3						5			3		
Kinh doanh quốc tế			3				3					3		
Đàm phán quốc tế			3				3					3		
Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế			3				3					3		
Quan hệ công chúng			3				3					3		
Các vấn đề toàn cầu			3				3				2			
Nhập môn châu Âu học			3				3					3		
Hệ thống chính trị và pháp luật châu Âu			3				3					3		
Lịch sử và văn hóa châu Âu			3				3					3		
Hệ thống kinh tế của Liên minh châu Âu			3				3					3		

Chính sách đối ngoại của Liên minh châu Âu			3					4				3		
Các cường quốc châu Âu			3				3					3		
Hệ thống chính trị và pháp luật Hoa Kỳ			3				3						3	
Quan hệ đối ngoại Hoa Kỳ			3				3					3		
Lịch sử - văn hóa Hoa Kỳ				4				4					4	
Tổng quan kinh tế các nước Châu Mỹ			3				3					3		
Canada và các nước Mỹ Latinh				4				4					4	
Quan hệ Việt Nam-Hoa Kỳ			3						5			3		
Nhập môn nghiên cứu phát triển quốc tế		2							5			3		
Kinh tế phát triển			3				3					3		
An ninh con người			3				3					3		
Hỗ trợ quốc tế				4			3				2			



Quản lý dự án phát triển			3					4					4	
Thực tập Nghiên cứu phát triển quốc tế			3					4						5
<b>HK VIII</b>														
Khóa luận				4					5					5
Pháp luật kinh tế quốc tế			3				3					3		
Tiếp xúc liên văn hóa				4				4						